



Chính sách vĩ mô kiềm chế lạm phát và kích thích tăng trưởng kinh tế

**PGS. TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH
& THS. NGUYỄN SƠN HOA**

*Trường ĐH Kinh tế - Luật,
ĐHQG TP.HCM*

1. Đặt vấn đề

Các lý thuyết kinh tế vĩ mô hiện đại đều chứng minh giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát có mối quan hệ thuận, nghĩa là, khi nền kinh tế tăng trưởng cao thì sẽ dẫn đến lạm phát. Vấn đề là mức lạm phát nào nền kinh tế chấp nhận được và không dẫn đến những xáo trộn trầm trọng tình hình kinh tế - xã hội, gây những bất ổn đến an ninh, trật tự xã hội. Trên cơ sở đánh giá tác động của lạm phát đến tình hình kinh tế - xã hội mà chính phủ sẽ quyết định can thiệp để điều chỉnh. Đồng thời, chính phủ cũng dựa vào mục tiêu của mình để đưa ra các quyết định điều chỉnh. Nếu vì mục tiêu tăng trưởng cao, giải quyết nạn thất nghiệp, chính phủ có thể phải duy trì mức lạm phát cao, và ngược lại, chính phủ muốn kiềm chế lạm phát thì phải hy sinh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chịu mức thất

nghiệp cao. Một chính sách nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao mà mức lạm phát thấp là rất khó khăn, nhất là trong điều kiện nguồn lực cho tăng trưởng đã tới hạn và nền kinh tế đã hội nhập, chịu tác động của thị trường thế giới và nền kinh tế toàn cầu. Vậy trong điều kiện hiện nay, VN phải chọn con đường nào? Chấp nhận tăng trưởng cao và lạm phát cao, thất nghiệp thấp? Hay tăng trưởng thấp, lạm phát thấp nhưng thất nghiệp gia tăng? Hoặc có chính sách nào vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế cao và lạm phát thấp ở VN? Đây là những vấn đề kinh tế vĩ mô đang làm đau đầu các nhà lý luận cũng như các nhà lãnh đạo, hoạch định chính sách vĩ mô của VN hiện nay.

2. Phân tích vấn đề

Để có lời giải tương đối phù hợp cho các vấn đề trên, cần phân tích thực trạng tình hình tăng trưởng kinh tế và các nguyên nhân lạm phát của VN trong những năm vừa qua.

2.1 Về tình hình tăng trưởng

kinh tế

Kinh tế VN trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động. Tăng trưởng kinh tế của VN luôn giữ ở mức cao thứ hai trong khu vực, chỉ sau Trung Quốc, mặc dù vào năm 2009 do tác động của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu tốc độ tăng trưởng có giảm so với các năm trước. (Năm 2005 tăng trưởng kinh tế của VN là 8,44%; năm 2006 là 8,23%; năm 2007 đạt 8,46%; năm 2008 là 6,31% và năm 2009 là 5,32%) [4, 69]. Xuất khẩu tăng cao là nhân tố quan trọng tác động đến tăng trưởng kinh tế. Trong những năm qua, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu của VN cũng cao, tuy vào năm 2009, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu tốc độ tăng xuất khẩu có giảm, nhưng kim ngạch xuất khẩu vẫn giữ ở mức cao. (Tỷ lệ tăng kim ngạch xuất khẩu qua các năm như sau: Năm 2005 là 22,5%; năm 2006: 22,7%; năm 2007: 21,9%; năm 2008: 29,1% và năm 2009: -8,9%) [4, 76]. Đầu tư



nước ngoài vào VN cũng đánh dấu mức tăng trưởng nhảy vọt, với số vốn FDI đăng ký qua các giai đoạn luôn tăng, đặc biệt giai đoạn 2006 – 2009 là giai đoạn thu hút vốn FDI mạnh nhất của VN, chẳng hạn như: Giai đoạn 2001 – 2005 tổng vốn đăng ký đạt 20,7 tỷ USD, tổng vốn giải ngân đạt 13,8 tỷ USD; giai đoạn 2006 – 2009 tổng vốn FDI đăng ký đạt 126,5 tỷ USD và tổng vốn FDI giải ngân đạt 33,6 tỷ USD [4,72]. Qua số liệu trên có thể thấy giai đoạn 2006 – 2009 tổng vốn FDI đăng ký tăng nhiều lần so với giai đoạn 2001 – 2005. Trong giai đoạn năm 2006 – 2009 vốn đầu tư gián tiếp (FII) vào VN cũng tăng cao, trong đó vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán cũng gia tăng nhanh chóng. Lượng kiều hối vào VN cũng gia tăng cao: Năm 2005 là 3,8 tỷ USD; năm 2006: 4,7 tỷ USD; năm 2007: 5,5 tỷ USD; năm 2008: 7,2 tỷ USD và năm 2009 là 6,3 tỷ USD [4,79]. Trong những năm qua, thị trường chứng khoán VN cũng phát triển mạnh, thể hiện cả ở số lượng các công ty niêm yết và số vốn hóa trên thị trường. Tính đến cuối năm 2009 đã có 455 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (năm 2008 chỉ là 338 công ty), với vốn hóa chiếm trên 48% GDP cả nước (năm 2008 chỉ chiếm 20% GDP năm 2008) [4,33], biến thị trường chứng khoán trở thành kênh huy động vốn chủ yếu cho đầu tư và phát triển các doanh nghiệp của VN.

Tuy nhiên, những năm qua cũng đánh dấu nền kinh tế VN có nhiều hạn chế như: Lạm phát tăng cao (Lạm phát năm 2006: 6,6%; năm 2007: 12,6%; năm 2008: 19,89% và năm 2009: 6,52%). Tình hình cán cân thương mại thâm hụt cũng

tăng cao: Năm 2005 nhập siêu 4,3 tỷ USD; năm 2006: 5 tỷ USD; năm 2007: 14,2 tỷ USD; năm 2008: 18 tỷ USD và năm 2009 12,8 tỷ USD. Trong đó, năm 2008 cũng là năm có mức nhập siêu cao nhất từ trước đến nay, đạt đến trên 18 tỷ USD, tăng hơn 4 lần so với mức trên 4,3 tỷ USD của năm 2005 và chiếm trên 28,8% so với kim ngạch xuất khẩu của năm 2008. Bắt đầu từ năm 2007 nền kinh tế VN ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đánh dấu bởi sự kiện VN là thành viên chính thức của WTO, nên từ năm 2007 những biến động trên thị trường thế giới cũng như của nền kinh tế thế giới đều có tác động mạnh đến thị trường và nền kinh tế VN. Chẳng hạn, trong năm 2007 giá dầu hỏa trên thị trường thế giới tăng cao đến mức trên dưới 100 USD/thùng kéo theo giá nhiều mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu khác lên giá, đã tác động đẩy giá cả trong nước tăng theo. Đồng thời trong những năm qua, nền kinh tế VN cũng luôn chịu nhiều tác động của thiên tai, dịch bệnh như dịch cúm gia cầm, dịch tiêu chảy cấp, bão, lũ, hạn, hán...

Tâm điểm chú ý của các nhà lý luận cũng như các nhà quản lý kinh tế vĩ mô là vấn đề lạm phát tăng cao ở VN trong các năm 2007, 2008 và tình hình suy giảm kinh tế năm 2008, 2009 do tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Vậy giải quyết vấn đề này như thế nào? Theo chúng tôi, cần phải xác định quan điểm nhìn nhận về lạm phát và nguyên nhân của lạm phát để có giải pháp điều chỉnh đúng đắn.

2.2 Quan điểm nhìn nhận lạm phát

Lạm phát đi kèm với tăng

trưởng là hiện tượng kinh tế có tính quy luật, được nhiều nhà kinh tế học phát hiện trong học thuyết của mình. J.M. Keynes (1883 – 1946) là một trong những nhà kinh tế học phát hiện ra tính quy luật này và cho rằng cần phải tạo ra mức lạm phát “có kiểm soát” để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Quan điểm của Keynes đã được phát triển thành một trường phái thống trị trong một thời gian dài cả trong lý luận lẫn trong thực tiễn, với nhiều nhà kinh tế học ở nhiều quốc gia trên thế giới tham gia, trong đó trường phái Keynes ở Mỹ là phát triển đa dạng nhất. Ngày nay, quan điểm về lạm phát của trường phái này vẫn còn ý nghĩa trong điều hành chính sách lạm phát ở nhiều nước, mặc dù có những biến thái nhất định để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng nước.

Các nhà điều hành chính sách ở VN hiện nay đang thực hiện quan điểm của trường phái Keynes trong điều kiện VN. Điều này có thể nhận biết qua cách điều hành nền kinh tế của Chính phủ VN hiện nay. Chính phủ VN đã chấp nhận mức lạm phát “vừa phải”, dưới hai con số, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (mức lạm phát năm 2004 là 9,5%; năm 2005 là 8,4% và năm 2006 khoảng 7%). Như vậy, lý luận và thực tiễn đã chứng minh mối quan hệ thuận giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát, không thể có một tỷ lệ tăng trưởng cao mà lạm phát ở mức thấp được. Tăng trưởng kinh tế cao thì mức lạm phát phải cao. Vấn đề là mức lạm phát có thể vượt mức tăng trưởng kinh tế hay không? Vượt ở mức nào thì chấp nhận được? Theo quan điểm của chúng tôi, mức lạm phát có thể vượt mức tăng trưởng kinh tế, mức

vượt trong khoảng từ 1-2% là có thể chấp nhận được. Do đó, mức lạm phát trong năm 2007 cao hơn mức tăng trưởng kinh tế khoảng trên 4% là tương đối cao, nhưng vẫn có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, trong năm 2008 lạm phát đã tăng quá cao so với mức tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng kinh tế là 6,31%, trong khi mức lạm phát là ở mức 19,89%). Muốn kiềm chế lạm phát phải tìm hiểu nguyên nhân đã dẫn đến mức lạm phát cao trong năm 2007 và năm 2008 để từ đó có thể điều hành chính sách giữ cho mức lạm phát vừa phải nhằm đảm bảo kích thích tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

2.3 Nguyên nhân dẫn đến lạm phát

Theo lý thuyết kinh tế học, có hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát là do cầu kéo và chi phí đẩy. Lý thuyết lạm phát do cầu kéo chỉ đúng khi nền kinh tế đạt mức sản lượng tiềm năng, khi nền kinh tế đã sử dụng hết hoặc gần hết nguồn lực sẵn có. Khi đó, nếu tổng cầu gia tăng thì sẽ làm giá cả gia tăng vì nền kinh tế không còn tiềm năng để tăng trưởng, nên tổng cầu tăng không làm tổng cung tăng, mà chỉ làm tăng giá cả. Tổng cầu bao gồm các thành phần: cầu chi tiêu của cá nhân, cầu chi tiêu của chính phủ, cầu đầu tư của các doanh nghiệp và cầu chi tiêu của người nước ngoài (xuất khẩu). Tổng cầu phải thể hiện thông qua tổng cầu tiền mặt. Bởi vì trong nền kinh tế thị trường, muốn mua hoặc bán được hàng hóa phải có một lượng tiền tương ứng với giá cả hàng hóa (lượng tiền cần thiết cho lưu thông). Các nhà lý luận kinh tế gọi đây là lưu thông hàng hoá – tiền tệ. Vì vậy, khi tổng tiền mặt trong lưu thông tăng lên

cũng thể hiện tổng cầu tăng lên. Trong trường hợp Ngân hàng trung ương có chính sách làm cho khối tiền trong lưu thông tăng lên, điều đó đồng nghĩa với việc sẽ làm cho tổng cầu gia tăng. Nếu nền kinh tế còn dưới mức tiềm năng, tổng cầu tăng sẽ tác động làm tổng cung tăng, nền kinh tế tăng trưởng, lúc này lạm phát sẽ không cao, nền kinh tế sẽ chịu đựng được mức lạm phát này. Ngược lại, nếu nền kinh tế đã ở mức tiềm năng thì tổng cầu tăng sẽ làm giá tăng, mà sản lượng không tăng nổi, lạm phát sẽ tăng cao.

Nguyên nhân lạm phát do chi phí đẩy được thể hiện trong nền kinh tế còn nằm dưới mức sản lượng tiềm năng. Lúc này lạm phát cao xảy ra do giá các yếu tố đầu vào của nền sản xuất tăng cao (nguyên, nhiên vật liệu chủ yếu trong nền kinh tế như xăng dầu, lương thực thực phẩm... tăng cao) làm cho chi phí sản xuất hàng hóa tăng cao và đẩy giá cả hàng hóa trên thị trường tăng cao. Lạm phát cao xảy ra.

Từ các nguyên nhân về mặt lý thuyết ở trên, xuất phát từ thực tiễn VN, có thể phân tích nguyên nhân lạm phát ở VN trong năm 2007, 2008 có cả yếu tố cầu kéo và chi phí đẩy.

Trước hết, nguyên nhân do cầu kéo. Mặc dù nền kinh tế VN chưa đạt mức sản lượng tiềm năng, vẫn còn nhiều nguồn lực cho tăng trưởng: Nguồn nhân lực dồi dào và trẻ, nguồn vốn trong và ngoài nước phong phú, nguồn tự nhiên chưa khai thác hết, nhưng lạm phát năm 2007, 2008 vẫn có nguyên nhân từ phía cầu. Có thể trình bày những nguyên nhân từ phía cầu như sau:

- Thu nhập quốc dân tăng lên do kết quả tăng trưởng kinh tế nhiều

năm liền trước đó làm cho thu nhập của dân cư tăng lên (năm 2001: 6,89%, năm 2002: 7,08%, năm 2003: 7,34%, năm 2004: 7,79%, năm 2005: 8,44%, năm 2006: 8,23%; năm 2007: 8,46%). Điều đó làm cho cầu tiêu dùng cá nhân tăng cao trong năm 2007.

- Tốc độ tăng đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế (bao gồm khu vực kinh tế trong nước và nước ngoài) cao trong nhiều năm liền (khoảng 20%/năm), nhất là đầu tư nước ngoài tăng cao trong các năm 2006 (vốn FDI đăng ký trên 12 tỷ USD); năm 2007 là 21 tỷ USD và đặc biệt nhảy vọt trong năm 2008 (vốn FDI đăng ký trên 71 tỷ USD), làm cho cầu đầu tư tăng lên nhanh chóng, đẩy giá nguyên, nhiên vật liệu và nhân công tăng cao. Tiền lương tối thiểu trong khu vực hành chính, sự nghiệp đã tăng lên kéo tiền lương trong khu vực sản xuất cũng tăng theo, làm gia tăng thu nhập bằng tiền và tiêu dùng trong dân cư cũng tăng theo.

- Xuất khẩu tăng nhanh qua nhiều năm, riêng năm 2006 là 39,8 tỷ USD, năm 2007 là 48,5 tỷ USD và năm 2008 đã đạt đến trên 62,6 tỷ USD làm cho việc tiêu dùng sản xuất xuất khẩu như mua nguyên nhiên vật liệu, thuê mướn nhân công... tăng nhanh, đẩy tổng cầu tăng nhanh.

- Đồng thời, với chính sách đẩy mạnh đầu tư và xuất khẩu nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, Chính phủ VN đã thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng, khi giữ mức lãi suất thị trường thấp, tỷ giá hối đoái VND cao. Điều đó thể hiện trong năm 2007 Ngân hàng Nhà nước đã phát hành khối lượng tiền mặt tăng thêm 30%, chủ yếu để mua ngoại tệ nhằm giữ giá trị



VND thấp, với mục đích thúc đẩy xuất khẩu. Bên cạnh đó, do lãi suất thị trường thấp nên lượng tín dụng từ các ngân hàng cũng tăng lên đến trên 35%, nhất là cho vay mua chứng khoán và kinh doanh bất động sản, nhưng thiếu biện pháp để thu hút tiền về ngân hàng. Riêng trong năm 2008, do thực hiện các gói giải cứu nền kinh tế thoát khỏi suy thoái kinh tế nên lượng tiền trong lưu thông tăng lên rất nhanh; điều này cũng làm gia tăng lạm phát trong năm 2008.

Thứ hai, nguyên nhân do chi phí đẩy. Nguyên nhân về phía chi phí đẩy có thể phân tích ở những điểm sau:

- Trong năm 2007 VN đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO, đánh dấu sự hội nhập của nền kinh tế VN vào nền kinh tế thế giới. Do đó, các biến động trên thị trường thế giới đều ảnh hưởng đến thị trường trong nước. Chẳng hạn như giá dầu trên thị trường thế giới tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế VN; mặc dù, VN là nước xuất khẩu dầu, nhưng khi giá dầu lên lại ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, bởi vì, VN chưa có công nghiệp hóa dầu mạnh nên chủ yếu phải nhập xăng dầu và các nguyên liệu sản xuất từ dầu hỏa với giá cao, trong khi phải xuất khẩu dầu thô với giá thấp. Giá dầu tăng cao và giá cả các hàng hóa nguyên, nhiên vật liệu khác trên thế giới tăng cao quả thật đã đè nặng lên chi phí sản xuất của VN, do VN phải nhập nhiều thứ hàng hóa máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất kinh doanh trong nước và cho xuất khẩu. Từ năm 2007 mức nhập siêu của VN luôn tăng cao, trong đó, đến 80% là nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục

vụ sản xuất. Giá nhập khẩu tăng đã đẩy giá thành sản xuất trong nước tăng cao; để không bị lỗ, nhà sản xuất, kinh doanh phải nâng giá bán lên, đẩy mức giá cả chung tăng lên (các nhà lý luận kinh tế gọi đây là hiện tượng nhập khẩu lạm phát). Trong khi đó, năng suất lao động của VN còn thấp, việc ứng dụng khoa học – công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm còn ít, nên cũng không thể hạ giá bán sản phẩm hàng hóa.

- Từ năm 2007 đến nay VN thường xuyên chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Bão, lũ các tỉnh miền Bắc, miền Trung đã làm tình hình sản xuất lương thực, thực phẩm của các địa phương này gặp khó khăn, kèm theo dịch bệnh liên tục đã làm cho giá lương thực, thực phẩm tăng cao. Đồng thời, các cơn sốt nhà đất, bất động sản trong những năm qua cũng đã đẩy giá nhà, giá căn hộ, giá thuê nhà ở, giá văn phòng cho thuê tăng cao. Bên cạnh đó, giá các dịch vụ khác cũng đều gia tăng: giá điện, giá nước, chi phí học tập... Tất cả đều ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, nhất là đến giá trị sức lao động, gây sức ép đẩy giá nhân công tăng cao, và làm cho chi phí sản xuất tăng cao, góp phần đẩy mức giá chung tăng lên.

- Với chủ trương điều hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường, Chính phủ đã quyết định thực hiện cơ chế giá các mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế như xăng, dầu, điện, nước, lương thực, thực phẩm theo giá thị trường. Tuy nhiên, việc điều chỉnh tăng giá các mặt hàng xăng, dầu, điện, nước không đúng thời điểm đã góp phần làm tăng giá trong nền kinh tế, đẩy tỷ lệ lạm phát tăng cao.

2.4 Những giải pháp kiềm chế lạm phát

Những nguyên nhân của lạm phát trong thời gian qua về cơ bản đã được nhận diện, vậy cần phải làm gì để lạm phát trong những năm tới được kiềm giữ ở mức mong muốn nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhất là thời kỳ hậu khủng hoảng kinh tế, trong khi những nhân tố làm gia tăng lạm phát có tác động với cường độ mạnh hơn như: Đầu tư toàn xã hội phải tăng cao hơn, tiền lương trong tất cả các khu vực đã tăng cao hơn (từ 01/05/2010 tiền lương cơ bản của khu vực hành chính, sự nghiệp đã tăng lên 730.000 VNĐ/tháng so với trước đây là 650.000 VNĐ/tháng); giá dầu trên thế giới còn nhiều bí ẩn, và có thể vẫn giữ ở mức cao như hiện nay, thậm chí còn có thể cao hơn hiện nay (hiện nay là khoảng 82 USD/thùng)...

Theo chúng tôi, cần phải thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp một cách thông minh, khôn khéo mới có thể kiềm chế lạm phát ở mức mong muốn mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế cao. Có thể gợi ý một vài biện pháp sau:

- Không thể giảm tổng cầu để kiềm chế lạm phát được, bởi vì, nó sẽ có tác động làm giảm tỷ lệ tăng trưởng. Tuy nhiên, có thể thông qua chính sách tiền tệ để vẫn giữ lãi suất ở mức vừa phải nhằm thúc đẩy đầu tư mà vẫn kiềm chế được mức tổng cầu tiền tệ, nhất là đối với những khoản cầu tiền tệ không cần thiết cho nền kinh tế. Chính sách tiền tệ cần thực hiện một cách linh hoạt và kịp thời theo thực tế diễn biến của nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước đưa tiền ra và rút tiền về một cách hợp lý sẽ góp phần kiềm chế lạm phát và kích thích tăng trưởng kinh

tế. Năm 2009, thông qua các chính sách vĩ mô, Chính phủ đã thực hiện một cách thành công kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giúp nền kinh tế phục hồi nhanh sau khủng hoảng. Lạm phát năm 2009 được giữ ở mức 6,52%, trong khi tăng trưởng kinh tế đạt 5,32%, được xem là mức tăng trưởng nhanh trong khu vực. Tuy nhiên, những tháng đầu năm 2010, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có những điểm hạn chế khi vẫn giữ chủ trương hạn chế hạn mức dư nợ tín dụng, làm cho tổng phương tiện thanh toán bị hạn chế, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, thay vì, Ngân hàng Nhà nước phải tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng để duy trì đà phục hồi tăng trưởng kinh tế của năm 2009. Nói cách khác, Ngân hàng Nhà nước nên điều hành chính sách tiền tệ một cách khôn khéo và linh hoạt hơn, nên sử dụng một cách tốt hơn và kịp thời các công cụ của chính sách tiền tệ như: lãi suất chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở... để điều hành chính sách tiền tệ ở VN.

- Về chi tiêu công: Chính phủ cần chú ý giải ngân kịp thời cho các dự án đầu tư có nguồn vốn từ ngân sách của Chính phủ, nhằm hạn chế tình trạng gây sức ép tăng giá vào cuối năm khi đầu năm thì chậm hoặc không giải ngân, để đến gần cuối năm mới đẩy mạnh giải ngân làm cho một lượng tiền mặt lớn đi vào lưu thông, tác động làm tăng giá mạnh vào cuối năm. Chính phủ nên kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu của chính phủ trên tinh thần sử dụng một cách có hiệu quả đồng vốn ngân sách, tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản. Để đạt yêu cầu này, Chính phủ cần tập trung phát huy

chức năng của đội ngũ các bộ phận hoạch định dự án, phân bổ nguồn vốn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án thuộc Chính phủ. Chính phủ nên tập trung chú ý đến quản trị tài chính công, tránh vết xe đổ của khủng hoảng nợ công của Chính phủ Hy Lạp và một số nước khác ở châu Âu.

- Chính phủ cần tăng cường năng lực của bộ máy dự báo để dự báo chính xác sự biến động giá cả trên thị trường thế giới, nhất là giá cả của các mặt hàng chiến lược như xăng, dầu, sắt, thép, lương thực, thực phẩm... để kịp thời điều chỉnh giá trong nước, tránh tình trạng phải đối phó bị động như trong năm 2007, 2008. Tập trung toàn bộ lực lượng quản lý, điều chỉnh giá cả một cách nhanh nhạy, bằng các biện pháp hành chính lẫn biện pháp kinh tế đối với giá cả thị trường. Chống đầu cơ nâng giá đối với mọi khu vực kinh tế, kể cả kinh tế nhà nước.

- Chính phủ cần phải tăng cường quản lý các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty mạnh để các doanh nghiệp này tập trung nguồn lực phát triển các ngành nghề chủ lực mà Nhà nước giao. Kiên quyết sắp xếp lại các tập đoàn kinh tế nhà nước có vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh như trường hợp tập đoàn Vinashin thời gian qua. Nguyên tắc chung là Chính phủ chỉ nên phát triển các tập đoàn nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế trọng yếu của nền kinh tế như: năng lượng, lương thực, khoáng sản... còn các lĩnh vực khác thì nên để cho các thành phần kinh tế khác hoạt động. Chính phủ nên kiên quyết biến các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành các đơn vị kinh tế chủ lực, “các nắm đấm chủ lực” trong

việc thực hiện nhiệm vụ ổn định và tăng trưởng kinh tế, tham gia kiềm chế lạm phát khi Chính phủ yêu cầu. Trong thời gian qua, có một thực tế là chính các tập đoàn kinh tế nhà nước đã góp phần làm gia tăng lạm phát. Đó là trường hợp tăng giá xăng, dầu, giá điện, giá than của các tập đoàn kinh tế nhà nước không đúng thời điểm. Thay vì để thực hiện nhiệm vụ kiềm chế lạm phát của Chính phủ, các tập đoàn này phải giữ giá, thậm chí là phải giảm giá thì họ đã làm ngược lại, tăng giá hàng loạt, làm cho mức giá cả chung trong nền kinh tế càng tăng cao.

3. Kết luận

Trong thực tế điều hành đất nước, bất cứ chính phủ của quốc gia nào cũng muốn nền kinh tế nước mình có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và mức lạm phát thấp, mức thất nghiệp thấp. Tuy nhiên, thực tế hoạt động của nền kinh tế cũng chỉ rõ kinh tế tăng trưởng cao đồng hành với mức lạm phát cao. Do đó, nếu VN muốn có mức tăng trưởng cao mà đặt mục tiêu duy trì mức lạm phát thấp là khó thực hiện. Muốn đạt được điều đó đòi hỏi phải có một chính sách cực kỳ thông minh, trên cơ sở phải có được một chính phủ giỏi và sử dụng thành thạo các công cụ kinh tế vĩ mô lẫn các công cụ quản lý hành chính nhà nước. Điều đó hy vọng sẽ đạt được đối với VN trong năm 2010 và những năm tiếp theo để VN nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp phát triển, với nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững ●

(Xem tiếp trang 21)